

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-3-2018
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Lua - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Từ Thúy H, sinh năm 1996

Địa chỉ cư trú: ấp 13, xã Khánh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. *Bị đơn:* anh Huỳnh Vũ L, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: ấp 6, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Từ Thúy H trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến cự cãi và mâu thuẫn ngày càng kéo dài, trầm trọng, mặc dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả và đã ly thân nhau. Nay chị H nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung có 01 người con chung tên Huỳnh Vũ B, sinh ngày 27/10/2013, hiện do chị H nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị Từ Thúy H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với anh Huỳnh Vũ L, địa chỉ cư trú ấp 6, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Huỳnh Vũ L được thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh L vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được và mở phiên tòa xét xử sơ thẩm triệu tập anh L nhiều lần nhưng anh L tiếp tục vắng mặt không rõ lý do nên xét xử vắng mặt anh L theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: chị Từ Thúy H và anh Huỳnh Vũ L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013. Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh L xảy ra mâu thuẫn nên đã ly thân nhau và chị H yêu cầu được ly hôn với anh L. Tuy nhiên giữa chị H và anh L chung sống vợ chồng với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo Luật hôn nhân và gia đình tại điều 9 quy định “*việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý*” và tại khoản 1 Điều 14 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*” và tại khoản 2 Điều 53 quy định “*trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...*”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Từ Thúy H với anh Huỳnh Vũ L.

[3] Về con chung: chị Từ Thúy H yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Vũ B. Xét thấy từ khi chị H và anh L ly thân nhau, cháu Bảo do chị H nuôi dưỡng, anh L cũng không có ý kiến gì nên tiếp tục giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu B có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý và tình cảm. Anh Huỳnh Vũ L được quyền thăm nom cháu Bảo không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Từ Thúy H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và đình sơ thẩm chị Từ Thúy H phải chịu 300.000 đồng, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011656 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; anh Huỳnh Vũ L không phải chịu án phí. Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Từ Thúy H với anh Huỳnh Vũ L.

[2] Về con chung: giao cháu Huỳnh Vũ B, sinh ngày 27/10/2013 cho chị Từ Thúy H nuôi dưỡng, cháu Huỳnh Vũ B đang do chị H nuôi dưỡng chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Vũ L được quyền thăm nom cháu B không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị Từ Thúy H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: không có.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí: chị Từ Thúy H phải chịu 300.000 đồng, chị H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011656 ngày 30/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu; anh Huỳnh Vũ L không phải chịu án phí.

[7] Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

